

# **Thông Điệp Của Các Tổ Chức Phi Chính Phủ Quốc Tế Tới Hội Nghị Nhóm Tư Vấn Các Nhà Tài Trợ Giáo Dục Và Kỹ Năng | Sửa Đổi Luật Đất Đai**

Hà Nội, Việt Nam 10/12/2012

Hiện có hơn 700 tổ chức phi chính phủ Quốc tế INGOs đang triển khai các hoạt động dự án tại Việt Nam. Các tổ chức này hợp tác chặt chẽ với các đối tác và chính phủ Việt Nam, đóng góp không nhỏ vào sự phát triển của đất nước. Các tổ chức phi chính phủ quốc tế ở Việt Nam cam kết mạnh mẽ trong việc chia sẻ thông tin, quan hệ đối tác và phối hợp. Thông điệp này là kết quả của nhiều cuộc thảo luận tại diễn đàn của các tổ chức phi chính phủ Quốc tế vào tháng 11 năm 2012 qua nhiều cuộc tham vấn với các tổ chức được lựa chọn làm đại diện cho cộng đồng Phi chính phủ Quốc tế tham gia vào Hội nghị nhóm Tư vấn các Nhà tài trợ, và các ý kiến thu thập được đã được Trung tâm Dữ liệu các tổ chức phi chính phủ VUFO-NGO tổng hợp và hoàn thiện lại. Thông điệp này tập hợp các quan điểm của các tổ chức phi chính phủ Quốc tế tại Việt Nam đối với hai chủ đề - là nội dung chính sẽ thảo luận trong Hội nghị nhóm Tư vấn ngày hôm nay.

## **Giáo dục và kỹ năng: Nền tảng cho sự thành công của quốc gia có thu nhập trung bình**

Giáo dục là một trong những chiến lược chính nhằm giải quyết xóa đói giảm nghèo đối với nhiều hộ gia đình ở Việt Nam, với kết quả là góp phần thay đổi sinh kế và đầu tư vào giáo dục cho trẻ em. Bị ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa nhanh chóng và công hữu hóa quyền sử dụng đất, nhiều người không được trang bị kỹ năng và kiến thức đầy đủ để thích nghi với các thách thức mới trong đời sống. Đã có nhiều gia đình đầu tư vào giáo dục của con với mong muốn con cái họ có công việc ổn định với mức thu nhập cao hơn trong tương lai. Tỷ lệ thanh niên có việc làm sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông ở vùng đô thị thấp hơn vùng ngoại ô. Học sinh trung học phổ thông có điều kiện tốt hơn trong việc tiếp cận thông tin về đạo tạo nghề, tuy nhiên họ lại thiếu các thông tin khách quan và cụ thể. Sinh viên ở thành thị có nhiều sự lựa chọn hơn, điều đó được phản ánh rõ ràng thông qua thị trường lao động ở khu vực đô thị đa dạng hơn. Trong khi đó, thanh niên ở những vùng ngoại ô và nông thôn hạn chế hơn trong việc tiếp cận thông tin. Các trường dạy nghề, trường cao đẳng và đại học mặc dù có cung cấp tư vấn cho sinh viên nhưng các thông tin họ cung cấp thường không đầy đủ. Nhiều bậc phụ huynh và học sinh lựa chọn các cơ sở giáo dục dựa trên xu thế chung hơn là dựa trên phân tích xem các khóa học có giúp gì cho trẻ có được cơ hội nghề nghiệp tốt trong tương lai.

Dân số Việt Nam khoảng 85 triệu người, trong đó ước tính có khoảng 1,4 triệu thanh niên gia nhập vào thị trường lao động hàng năm. 45% tỷ lệ người thất nghiệp ở Việt Nam thuộc độ tuổi từ 18 đến 25. Trong khi đó, thị trường lao động ở Việt Nam lại đang thiếu những lao động có kỹ năng, điều này ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế đất nước. Một số đơn vị sử dụng lao động phải mất đến sáu tháng để đào tạo nhân viên mới để họ thích nghi được với môi trường và yêu cầu công việc mới. Do không được giáo dục đầy đủ, thiếu kỹ năng, bị thất nghiệp kéo dài, đói nghèo, ỉ lại và tự ti, nên thanh niên nghèo thường có ít cơ hội làm kinh tế hơn. Tăng khả năng tiếp cận đến trường học có chất lượng là một trong những ưu tiên hàng đầu hiện nay, đặc biệt là ở các vùng sâu vùng xa đói nghèo. Việc trẻ em trên 11 tuổi phải đóng học phí cũng đang là một trong những khó khăn của nhiều gia đình. Ngoài ra, còn có một số vấn đề khác liên quan đến cơ hội đào tạo kỹ thuật và dạy nghề:

- Thanh niên ở khu vực thành thị không thích làm các công việc thuộc khu vực quốc doanh. Họ thích làm trong khu vực tư nhân hơn vì: (a) có nhiều cơ hội hơn; (b) có được lợi ích dựa trên năng lực và kết quả công việc; (c) dễ dàng hơn trong việc thay đổi công việc.
- Thanh niên được đào tạo nghề và cao đẳng gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng các kỹ năng và kiến thức đã học vào công việc. Các cựu sinh viên của các trường kỹ thuật phàn nàn rằng các khóa học của họ quá nặng về lý thuyết và các thiết bị sử dụng trong thực hành thì quá cũ.
- Người sử dụng lao động cho biết rất ít các sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được các kỹ năng làm việc cần thiết. Sinh viên tốt nghiệp từ các trường dạy nghề có uy tín thì đáp ứng được kỹ thuật tốt hơn, trong khi đó sinh viên tốt nghiệp từ các trường cao đẳng và đại học thể hiện sự yếu hơn về kiến thức chuyên môn mặc dù họ cũng được đào tạo các nội dung tương tự và mức lương thì thấp hơn sự mong đợi của họ.
- Nhiều thanh niên tốt nghiệp từ các trường trung cấp dạy nghề, cao đẳng và đại học thường xuyên phải làm những công việc yêu cầu kỹ năng thấp hơn và không liên quan đến chuyên ngành họ đã được đào tạo. Một số

sinh viên vừa đi làm vừa đi học, phần lớn là làm công việc liên quan đến chuyên ngành học, do đó họ có thể tích lũy được kinh nghiệm thực tế.

- Sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, thanh niên thường tìm việc ở các nhà máy hoặc các khu công nghiệp thông qua sự giới thiệu của họ hàng hoặc bạn bè. Nhiều nhà tuyển dụng ưu tiên hơn cho những lao động có tay nghề với trình độ trung học phổ thông, điều đó cũng có nghĩa là những người lao động không có tay nghề sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong tìm việc làm.
- Phụ nữ thường bị hạn chế trong việc tiếp cận đến những cơ hội phát triển kỹ năng. Họ có ít thời gian hơn cho việc học tập bồi dưỡng do phải đảm nhiệm các vai trò thiên chức làm mẹ, người chăm lo gia đình của mình.
- Đa số thanh niên ở thành thị kể cả những thanh niên nghèo đều không quan tâm đến những chương trình đào tạo nghề ngắn hạn mặc dù những chương trình này đang được nhà nước hỗ trợ. Lý do phổ biến nhất là: (a) các thanh niên của những gia đình nghèo không thể dừng làm việc để đi đào tạo cho dù đó là khóa đào tạo ngắn hạn; (b) Họ thích được đào tạo tại chỗ hoặc tại những hội thảo trong quá trình làm việc hơn là tham dự vào những khóa đào tạo chính thức.

Giáo dục là nền tảng của việc phát triển nguồn nhân lực, trong đó đòi hỏi các chiến lược, các chính sách, kế hoạch và các chương trình được phối hợp và lồng ghép một cách hiệu quả. Cần phải tập trung vào giáo dục sớm cho trẻ thông qua cải thiện các chương trình giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học. Nếu trẻ không được học tập ngay từ nhỏ thì sẽ ảnh hưởng đến kết quả học tập ở trường sau này và đến sự phát triển toàn diện của trẻ. Điều này có thể tạo nên sự bất bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội phát triển của thế hệ sau. Đầu tư cho giáo dục trẻ thơ sẽ góp phần tạo nên một lực lượng lao động khỏe mạnh và hiệu quả hơn trong tương lai và thông qua đó sẽ góp phần cho sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Lực lượng lao động này sẽ là nhân tố đảm bảo sự ổn định, thống nhất cho xã hội và thể hệ công dân về lâu dài; và đó cũng chính là sự đầu tư trở lại đối với nhà nước về kinh tế và xã hội.

Trong năm năm vừa qua, sự tiếp cận không đồng đều trong giáo dục cơ bản đã được giảm dần, tuy nhiên sự không đồng đều trong việc tiếp cận tới giáo dục trung học phổ thông và các bậc học cao hơn là tương đối cao, đặc biệt là ở những vùng khó khăn. Những người giàu có điều kiện tiếp cận tới nền giáo dục chất lượng tốt hơn những người nghèo bởi vì họ có khả năng đầu tư nhiều hơn cho việc giáo dục của con cái. Họ có thể chọn những trường tốt và lớp chọn cho con họ, trong khi đó những gia đình nghèo thường lựa chọn các trường địa phương. Các dịch vụ giáo dục tốn kém nhất như các trường quốc tế, lớp học tiếng Anh với giáo viên nước ngoài và học tập ở nước ngoài – chỉ dành cho các trẻ em của những gia đình có điều kiện kinh tế.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có bước tiến đáng kể trong cải thiện giáo dục cho vùng dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, theo khảo sát của Ngân hàng thế giới năm 2010, vẫn còn khoảng 30% các hộ gia đình dân tộc thiểu số có ít nhất một trẻ bỏ học trước khi hoàn thành lớp, trong khi đó tỷ lệ này đối với dân tộc Kinh là 16%. Năm 2006, tỷ lệ nhập học của các dân tộc thiểu số ở bậc tiểu học là 89%, dân tộc Kinh là gần 98%. Chỉ có 42% trẻ em dân tộc thiểu số từ 6 đến 18 tuổi theo đuổi được đến bậc trung học phổ thông, trong khi đó tỷ lệ này của trẻ em dân tộc Kinh là 57%. Trẻ em gái dân tộc thiểu số có tỷ lệ nhập học và tỷ lệ tham gia của bất kỳ các nhóm đều thấp nhất, tỷ lệ đúp và bỏ học cao nhất, tỷ lệ hoàn thành tiểu học thấp nhất và tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở cũng là thấp nhất. Lý do chính của tình trạng này là:

- Rào cản ngôn ngữ - 90% trẻ em dân tộc thiểu số sử dụng tiếng dân tộc ở gia đình và có rất ít hoặc gần như không có cơ hội tiếp xúc với tiếng Việt trước khi vào tiểu học. Ở trường học, các em không được học bằng tiếng mẹ đẻ và rất khó khăn trong việc sử dụng tiếng Việt thành thạo. Các tài liệu ở trường đều bằng tiếng Việt do đó các trẻ em dân tộc thiểu số thường là không hiểu được bài học.
- Giáo viên ít hoặc gần như không có kiến thức và nhận thức toàn diện về sự phát triển của trẻ, phương pháp giảng dạy cho trẻ dân tộc, và hiểu biết nghèo nàn về văn hóa dân tộc thiểu số. Chương trình giảng dạy ít được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh dân tộc thiểu số, làm ảnh hưởng đến kết quả học tập của trẻ. Hầu hết các giáo viên ở các vùng dân tộc thiểu số là người Kinh, và rất ít người có thể nói tiếng địa phương.
- Sự nhận thức về quyền trẻ em và tầm quan trọng của Giáo dục cho tất cả mọi người ở trẻ em và phụ huynh còn thấp. Người tham gia cộng đồng và sự tiếp cận thông tin về điều này còn hạn chế.
- Trường học thiếu các thiết bị giảng dạy, nhà vệ sinh thích hợp, nước sạch, sách, tài liệu học tập và sân chơi an toàn.

Để vượt qua những rào cản này, các tổ chức phi chính phủ đã thực hiện các sáng kiến thúc đẩy và các sáng kiến này đã phần nào tạo ra những cải thiện rõ ràng. Các can thiệp chủ yếu tập trung vào ba chiến lược: (1) xây dựng năng lực cho giáo viên; (2) thúc đẩy sự tham gia của trẻ; (3) thúc đẩy sự cam kết, tham gia của phụ huynh. Thêm vào đó, chúng tôi cũng đưa ra các kiến nghị cụ thể như sau (đã được kiểm chứng bởi các tổ chức phi chính phủ Quốc tế trong quá trình thực hiện):

1. **Tiếp tục cải cách** các cơ sở đào tạo nghề và kỹ thuật được coi là *chìa khóa* cho sự phát triển kinh tế xã hội trong tương lai; định hướng chuyên ngành hơn đối với dạy nghề đáp ứng được với cung và cầu của thị trường lao động; điều chỉnh chính sách để hỗ trợ đào tạo nghề hiệu quả cho thanh niên dễ bị tổn thương nhất ở khu vực đô thị và ven đô thị. Cụ thể là: hỗ trợ doanh nghiệp để đào tạo cho người lao động, đào tạo tại chỗ cho người lao động trong các hộ kinh doanh tư nhân hoặc các hiệp hội doanh nghiệp đô thị - không nhất thiết là phải đào tạo qua các trung tâm đào tạo nghề chính thống.
2. **Phương pháp lấy trẻ làm trung tâm** – phù hợp với phương pháp tiếp cận Dạy và học tích cực được quy định trong Luật Giáo dục (2005) và hiện đang được bộ Giáo dục và Đào tạo áp dụng. Phương pháp lấy trẻ làm trung tâm đảm bảo rằng tất cả các hoạt động giáo dục đều hướng tới người học: trẻ em chủ động tìm hiểu kiến thức mới, giáo viên đóng vai trò người hỗ trợ là chính; đa dạng các hoạt động học tập; trẻ em được chia sẻ ý kiến của bản thân và tự xác định những kinh nghiệm mà trẻ cần phải học.
3. **Điều chỉnh chương trình giảng dạy phù hợp với bối cảnh địa phương**, với đặc điểm văn hóa và điều kiện sống – Chỉ với một bộ sách giáo khoa và chương trình giảng dạy được áp dụng cho tất cả trẻ em trong cả nước thì không phản ánh được cuộc sống cũng như những trải nghiệm trong cuộc sống của trẻ ở các vùng miền khác nhau và các nhóm dân tộc khác nhau. Sở Giáo dục và Đào tạo và các trường thuộc các tỉnh mục tiêu đã được hỗ trợ để sửa đổi giáo trình lớp 1 và 2 sao cho phù hợp hơn với năng lực học tập và môi trường sống của trẻ em các vùng dân tộc thiểu số. Những dự án liên quan cũng hướng dẫn và khuyến khích giáo viên sử dụng các văn bản, từ ngữ và tranh ảnh gần gũi, quen thuộc với trẻ để thay thế cho các từ ngữ, tranh ảnh trong sách giáo khoa. Điều này giúp trẻ dễ tiếp cận hơn với ngôn ngữ mới.
4. **Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ thứ hai** – nhận thức được rằng tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai đối với hầu hết các trẻ em dân tộc thiểu số, các tổ chức phi chính phủ Quốc tế đã cung cấp cho giáo viên một số khóa tập huấn về các phương pháp và kỹ thuật giảng dạy ngôn ngữ thứ hai. Bằng cách áp dụng các phương pháp giảng dạy này, sự tiếp thu tiếng Việt của trẻ em dân tộc thiểu số được cải thiện đáng kể.
5. **Giáo dục song ngữ** – những mô hình thực tế Giáo dục song ngữ cho trẻ dân tộc thiểu số đã và đang được thực hiện. Những mô hình này giảng dạy cả bằng tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ ở trường mầm non và trong những năm đầu của tiểu học nhằm tăng khả năng học tập của trẻ. Đến nay đã có một vài kết quả cho thấy trẻ em dân tộc thiểu số ở những khu vực áp dụng thí điểm mô hình này tự tin hơn và thông thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ mới so với các trẻ em khác.
6. **Đào tạo bồi dưỡng tập trung vào kỹ năng** là yếu tố quan trọng để cải thiện kỹ năng và phương pháp giảng dạy của giáo viên phù hợp với bối cảnh địa phương vùng dân tộc thiểu số. Các khóa đào tạo chủ yếu về các lĩnh vực: quyền trẻ em, phương pháp dạy học tích cực, làm và sử dụng các đồ dùng hỗ trợ dạy/học, kỹ năng giảng dạy cho các lớp ghép, áp dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, lập kế hoạch bài học, kỹ năng giám sát và đánh giá, quan sát lớp học và phản hồi, sử dụng các vật liệu địa phương để dạy và trang trí lớp học, kỹ năng quản lý và xây dựng thư viện trường thân thiện với trẻ em; giảng dạy áp dụng chương trình giáo dục mầm non mới.

### **Các vấn đề về đất đai: Việc sửa đổi luật đất đai phục vụ cho phát triển bền vững và công bằng xã hội**

Đất đai là tài sản rất quan trọng đối với người nghèo, những cộng đồng và nhóm người bị lề hóa. Với họ, đất đai là nguồn lực để đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế. Việc sử dụng đất một cách hiệu quả và công bằng có thể mở rộng và đa dạng hoá các lựa chọn sinh kế. Đối với nhiều người, đặc biệt là những cộng đồng dân tộc thiểu số, đất và rừng là một phần của văn hoá và bản sắc dân tộc. Cải cách ruộng đất đã đóng góp một vai trò quan trọng giúp Việt Nam đạt được những thành tựu ấn tượng về giảm nghèo. Hiện nay, các áp lực về đất đai đang gia tăng do đó tranh chấp về đất đai ngày càng nhiều. Việc thu hồi đất nông nghiệp với một quy trình không đúng đắn, đền bù không tương xứng và không có những cơ hội sinh kế thay thế đẩy người nông dân vào tình trạng nghèo đói, thậm chí là lâm vào tình cảnh cùng cực. Các chính sách về đất đai và việc thực hiện các chính sách này đã bộc lộ nhiều điểm bất cập. Các chính sách hiện hành đôi khi gây bất lợi cho người nông dân sản xuất ở quy mô nhỏ. Người nghèo và những nhóm cộng đồng đang bị lề hóa chính là những đối tượng dễ bị tổn thương và phải chịu tác động

nhiều nhất bởi nạn tham nhũng và việc lạm dụng quyền. Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế nhanh và các nguồn lực thì ngày càng hạn chế. Do vậy, cách thức mà một quốc gia quản lý quyền tiếp cận và sử dụng một cách công bằng nguồn lực đất đai là vô cùng quan trọng để đảm bảo tăng trưởng bền vững, giảm nghèo và ổn định xã hội.

Các tổ chức phi chính phủ quốc tế đánh giá cao những sáng kiến của Chính phủ Việt Nam để giải quyết những thách thức nói trên. Việc sửa đổi Luật đất đai (năm 2003) rõ ràng là một bước đi quan trọng của Chính phủ để giải quyết các vấn đề liên quan đến đất đai. Để có thể giải quyết một cách hiệu quả một loạt những thách thức liên quan đến vấn đề đất đai, việc sửa đổi luật cần phải tiếp thu các bài học kinh nghiệm và dựa trên nguyện vọng của người dân. Cùng với việc sửa đổi luật, các chính sách liên quan và việc thực hiện các chính sách này cũng cần phải được rà soát. Người dân, cộng đồng và các tổ chức đại diện cho họ phải có một vai trò quan trọng thiết yếu trong quá trình này.

Dựa trên những kinh nghiệm thực tế khi làm việc tại nhiều cộng đồng trên khắp lãnh thổ Việt Nam, các tổ chức phi chính phủ quốc tế mong muốn được đề xuất những thông điệp sau:

1. Luật sửa đổi cần giải quyết thực trạng là những nông dân sản xuất quy mô nhỏ đang phải đối mặt với nhiều bất lợi hơn so với các nhóm khác bao gồm việc trao quyền sử dụng đất nông nghiệp lâu dài cho các hộ gia đình và xem xét lại các quy định chặt chẽ về chuyển mục đích sử dụng. Hỗ trợ người dân chuyển đổi sản xuất lúa tại những vùng năng suất thấp sang các cây lương thực khác có giá trị cao hơn và phù hợp với chất đất. Quá trình cấp quyền sử dụng đất cần phù hợp với khả năng chi trả của người dân, đảm bảo tính công bằng, bình đẳng, đặc biệt là đảm bảo quyền bình đẳng về giới cũng như quyền của người dân theo các hương ước/luật tục địa phương.
2. Người dân, cộng đồng và các tổ chức đại diện của họ cần được có tiếng nói và có vai trò mạnh mẽ hơn trong sử dụng và quản lý đất đai. Luật sửa đổi cần được tăng cường tính minh bạch, khả năng tiếp cận thông tin, cơ hội tham gia của người dân và các cộng đồng vào quy hoạch sử dụng đất. Sự tham gia của cộng đồng cần phải được đảm bảo trong quá trình chuyển đổi và thu hồi đất đai theo nguyên tắc: không có phí tổn, được thông báo trước và trên cơ sở thoả thuận. Những cơ chế cụ thể cho phép cộng đồng tham gia một cách hiệu quả vào các quá trình này cần được quy định một cách rõ ràng.
3. Luật tục và các hương ước cộng đồng trong quản lý và sử dụng đất, rừng là rất quan trọng đối với người dân tộc thiểu số - không chỉ cho mục đích sinh kế, mà còn liên quan đến tâm linh và các thực hành tín ngưỡng của họ. Các cộng đồng đã chứng minh rằng họ là những người bảo vệ rừng tốt. Do đó, cần có những điều khoản trong luật công nhận và cho phép sử dụng luật tục và thực hành quản lý và sử dụng đất mang tính tập thể cho cộng đồng người dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó cần nhìn nhận sự đa dạng về ý nghĩa và vai trò của rừng bao gồm cả ý nghĩa tâm linh và tín ngưỡng.
4. Cần đẩy nhanh tiến trình và công khai kết quả đánh giá các nông, lâm trường quốc doanh về hiện trạng sử dụng, năng suất, khả năng tạo việc làm, các chức năng xã hội và việc phân chia lợi ích. Đất nông nghiệp và lâm nghiệp của các nông-lâm trường quốc doanh đang hoạt động kém hiệu quả nên được phân chia lại để phục vụ mục tiêu giảm nghèo và phát triển nông thôn tại các địa phương, trong đó đặc biệt tính đến nhóm những hộ gia đình có ít hoặc không có đất.
5. Cần rà soát và thắt chặt việc mở rộng phạm vi thu hồi đất của nhà nước, đặc biệt trong bối cảnh các khiếu nại của công chúng về đất đai đang ngày càng tăng. Cần có những định nghĩa rõ thế nào là *phục vụ cho lợi ích công cộng, phát triển kinh tế* bởi vì trong giai đoạn phát triển hiện nay của Việt Nam, việc đưa ra một phạm vi rộng về các mục đích được phép thu hồi đất đai là không phù hợp. Việc bồi thường cho đất bị thu hồi phải bao gồm cả việc cung cấp hỗ trợ cho những hộ nông dân bị ảnh hưởng để thay đổi sinh kế. Việc bồi thường cho đất bị thu hồi cần đảm bảo công bằng, đầy đủ và kịp thời. Giá trị bồi thường nên được xác định trên căn cứ định giá độc lập, có tính đến giá trị tương lai của đất, cũng như những chi phí cơ hội và tác động xã hội mà những người nông dân có đất bị thu hồi sẽ phải chịu.
6. Quốc hội hiện đang đảm đương trách nhiệm giám sát việc thực hiện Luật đất đai ở Việt Nam. Tuy nhiên, với tính chất thách thức của các vấn đề về đất đai tại Việt Nam và tầm quan trọng đặc biệt của đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, sự tham gia một cách tích cực của các bên liên quan trong quá trình giám sát là vô cùng quan trọng để đảm bảo hiệu quả của toàn bộ tiến trình. Các hiệp hội, cơ quan truyền thông và các tổ chức khác có thể có những đóng góp quan trọng cho tiến trình này. Vì vậy cần có các cơ chế cụ thể về sự tham gia trong Luật mới.